TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2026/HS-ST
Ngày: 16/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện
Ông Nguyễn Thành Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Thư ký TAND Khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Tiến S – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2026/QĐXXST–HS ngày 02/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lường Văn L; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam. Sinh năm 2006.
Nơi thường trú: thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh.
Căn cước công dân: 024206005909;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Chức vụ: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Lường Văn T, sinh năm 1980; Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh B (Có mặt);

2. Họ và tên: Vi Văn Đ; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2006.
Nơi thường trú: thôn K, xã T, tỉnh Bắc Ninh.
Căn cước công dân: 024206014619;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Chức vụ: không.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông : Vi Văn B, sinh năm 1982; Con bà: Vi Thị L1, sinh năm 1977; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh B (Có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**
1. Chị Cháng Thị D, sinh năm 2006 (vắng mặt)
Nơi thường trú: thôn Lũng Cáng, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang
2. Anh Lường Văn H1, sinh năm 2002 (vắng mặt)
Nơi Thường trú: thôn Cấm, xã Tân Sơn, tỉnh Bắc Ninh
3. Anh Hoàng Văn H2, sinh năm 2003 (vắng mặt)
Nơi Thường trú: thôn Khuôn Phải, xã Tân Sơn, tỉnh Bắc Ninh
4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991(vắng mặt)
HKTT: số D, đường N, phường B, tỉnh Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Nhà nghỉ R, tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 24/11/2025, tại phòng nghỉ 301 nhà nghỉ R thuộc tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh lập biên bản kiểm tra hành chính các đối tượng Lường Văn L, sinh ngày 26/03/2006, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh; Vi Văn Đ, sinh ngày 25/7/2006, trú tại thôn K, xã T, tỉnh Bắc Ninh và chị Cháng Thị D, sinh ngày 18/10/2006, trú tại thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình làm việc, L và Đ khai nhận vừa có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời tự nguyện giao nộp vật chứng gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, một mặt có bám dính chất bột màu trắng (nghi là ma túy) trong túi áo của Đ đang mặc; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng được cuốn tròn, cố định bằng dây màu đen (tẩu), bên trong bám dính chất bột màu trắng (nghi là ma túy) ở vị trí hộp giấy ăn trên bàn trong phòng, Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong 02 tờ tiền trên vào phong bì ký hiệu "KT"; ngoài ra thu giữ 01 bật lửa dùng để sử dụng ma túy ở trên giường.

Cơ quan điều tra tiến hành xét nghiệm ma túy qua mẫu nước tiểu đối với Lường Văn L, Vi Văn Đ, Cháng Thị D. Kết quả: Lường Văn L, Vi Văn Đại dương T2 với ma túy KET; Cháng Thị D âm tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số 3536 ngày 26/11/2025 của Phòng K1- Công an tỉnh B kết luận:

- Chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và trong ống hút quấn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng trong phong bì thư ký hiệu "KT" là ma túy, loại ma túy Ketamine. Không xác định được khối lượng.

- Mẫu nước tiêu ghi thu của Vi Văn Đ, Lường Văn L, đều tìm D1 là chất chuyển hóa của Ketamine.

Quá trình điều tra xác định: Lường Văn L, Hoàng Văn H2, sinh năm 2003, trú tại thôn K, xã T, tỉnh Bắc Ninh và Giáp Văn Q, sinh năm 2003, trú tại thôn M, xã T, tỉnh Bắc Ninh có mối quan hệ xã hội quen biết nhau. Buổi tối ngày 23/11/2025, Lường Văn L đang

ở nhà nghỉ P thuộc tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh thì Hoàng Văn H2 gọi điện cho Lường Văn L rủ L qua phòng nghỉ 302 ở nhà nghỉ R thuộc tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh để đổi phòng cho H2 ở cùng với người yêu được L đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 24/11/2025, L sang phòng nghỉ 302 của nhà nghỉ R thì không thấy có ai nên đi ngủ một mình đến sáng thì thấy H2, Q cũng về phòng nghỉ ngơi. Sau đó, L gọi điện qua ứng dụng Mesenger cho Cháng Thị D, sinh năm 2006, trú tại thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang để rủ chị D đi chơi, chị D đồng ý. Khoảng 09 giờ 10 phút cùng ngày, L, H2, Q xuống quầy lễ tân của nhà nghỉ R thanh toán tiền phòng 302, sau khi Q trả tiền phòng thì H2 tiếp tục thuê phòng nghỉ 301 để nghỉ ngơi. Lúc này L nhờ H2, Q chở L đi đến tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh để mượn xe mô tô của anh Lường Văn H1, sinh năm 2002, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Theo lời khai của L, sau khi mượn được xe của anh H1, do biết H2 có ma túy sẵn trên người nên L bảo H2 cho L xin một ít ma túy loại Ketamine để sử dụng. Hiệp đồng ý và lấy ở trong túi đeo chéo đưa cho L 01 gói nilon màu trắng bên trong đựng ma túy Ketamin và 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, cố định bên ngoài ống hút bằng dây màu đen. L cầm túi ma túy cùng ống hút đút vào túi áo ngực bên trái đang mặc và một mình điều khiển xe mô tô Honda Vision biển số 98AB-084.84 đã mượn của anh H1 xuống đón D. Khi chuẩn bị đón D, thì L nhận được cuộc gọi qua ứng dụng Messenger của Vi Văn Đ, sinh năm 2006, trú tại thôn K, xã T, tỉnh Bắc Ninh gọi tới (Đ là bạn quen biết xã hội của L), bảo L tới nhà nghỉ P thuộc tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh để đón Đ đi chơi. L đi xe mô tô đến đón Đ rồi cả hai cùng đi đón Dua. Sau khi đón được D thì L điều khiển xe chở Đ và D đi đến nhà nghỉ R thuộc tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Đến nơi, L bảo chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991, trú tại số D, đường N, phường B, tỉnh Bắc Ninh; hiện ở tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh (chủ nhà nghỉ) lấy phòng 301 mà H2 đã đặt trước, chị T1 đồng ý và đưa chìa khóa phòng 301 để L, Đ và D lên phòng. Tại phòng 301, L và D ngồi trên giường, còn Đ ngồi ghế cạnh bàn trang điểm. Cả ba nói chuyện một lúc thì L lấy trong túi áo khoác đang mặc ra 01 túi nilon màu trắng, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng dạng ma túy tổng hợp dạng Ketamine xin được của H2, đồng thời hỏi Đ "mang cho tao máng ke ra đây", ý là bảo Đ đưa tờ tiền làm máng ke, Đ lấy trong túi áo khoác đang mặc ra 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng đưa cho L. L cầm tờ tiền 5.000 đồng và gấp dọc thành hình chữ V, sau đó đổ ma túy Ke lên tờ tiền này và để xuống mặt bàn trong phòng. Do không mang theo bật lửa nên L xuống tầng 1 mượn bật lửa của chị T1. Chị T1 đưa cho L 01 bật lửa màu đỏ, L cầm lấy bật lửa và đi lên phòng. Sau đó L dùng vật lửa dằm, nghiền nhỏ ma túy, rồi dùng bật lửa hơ nóng mặt dưới tờ tiền 5.000 đồng để xào ke. Khi xào xong thì L đặt tờ tiền xuống bàn, lấy trong túi áo khoác đang mặc ra 01 ống hút được cuốn tròn từ tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, cố định bằng dây màu đen, đưa cho Đại để Đ sử dụng ma túy trước. Đ cầm ống hút và dùng mũi để hít ma túy 02 lần. Đ sử dụng ma túy xong rồi đưa lại cho L sử dụng. L sử dụng ma túy 01 lần sau đó để tờ tiền 5.000 đồng và ống hút lên trên bàn trang điểm. Sau đó, L lên giường nằm với D còn Đ đi tắm. Khoảng 05 phút sau, L thấy còn ma túy trong tờ tiền 5.000 đồng chưa sử dụng hết, nên đã sử dụng nốt. Sau khi sử dụng xong thì L cất ống hút vào hộp giấy. Lúc này Đ tắm xong và đi ra bàn lấy tờ tiền 5.000 đồng đã hết ma túy cất vào trong túi áo và ngồi trên ghế đối diện giường L và D đang nằm. L cầm túi nilon chứa ma túy vứt vào bồn nhà vệ sinh và xả nước đi. Khoảng 15 phút sau thì D có việc nên đi về trước. L và Đ ở lại

phòng được khoảng 10 phút sau thì có lực lượng Công an đến kiểm tra, lập biên bản thu giữ tang vật kèm theo.

Đến ngày 24/11/2025 L và Đ xin đầu thú khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Luyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, loại máy một thân, đã qua sử dụng có số IMEL1: 353404100424632. Đại giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, số IMEI 353712531357754. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, có số IMEL1: 353404100424632, lắp sim số 0335680395 của Lường Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, có số IMEI 353712531357754, gắn sim số 0345097354 của Vi Văn Đ, kết quả không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 25/11/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiện hiện trường các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả xác định hiện trưởng xảy ra vụ việc tại phòng 301 nhà nghỉ R thuộc tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh do chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991, trú tại số D, đường N, phường B, tỉnh Bắc Ninh làm chủ kinh doanh. Kiểm tra phòng 301 nơi các đối tượng sử dụng ma túy không thu giữ được đồ vật gì liên quan.

Cơ quan điều tra tiến hành cho L và Đ thực nghiệm điều tra diễn lại hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, kết quả: Luyện và Đ thực hiện lại chính xác hành vi phạm tội, hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT – VKS – KV2 ngày 15/5/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Lường Văn Luyện và bị cáo Vi Văn Đ ra trước Toà án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh để xét xử về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; 2024; 2025)

Tại phiên toà: Hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn Đại T3 03 năm đến 03 năm 02 tháng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/11/2025;

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lường Văn L từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 04 tháng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/11/2025;

Vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu xung công đối với 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, có số IMEL1: 353404100424632, trả lại bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, có số IMEI 353712531357754, nhưng cần tạm giữ điện thoại của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

Án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí đối với bị cáo Đ.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp với bản luận tội của Kiểm sát viên;

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của hai bị cáo tại phiên tòa HĐXX nhận thấy: Tại phiên toà vắng mặt một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng trước đó đã có lời khai. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[3] Vê hành vi phạm tội: Tại phiên toà, hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án**:** Hồi 11 giờ 30 phút ngày 24/11/2025, Lường Văn L và Vi Văn Đ cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. L là người chuẩn bị ma túy dạng K, tẩu hút, địa điểm để sử dụng ma túy. Đ tiếp nhận ý trí cùng L, đưa tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng cho L để làm máng sử dụng ma túy. Thu giữ 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, một mặt có bám dính chất bột màu trắng trong túi áo của Đ đang mặc; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng được cuốn tròn, cố định bằng dây màu đen (tẩu), bên trong bám dính chất bột màu trắng ở vị trí hộp giấy ăn trên bàn trong phòng. L và Đ xin đầu thú khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi nêu trên của hai bị cáo đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 59/CT-VKS – KV2 ngày 15/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh truy tố hai bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ nó trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm về sự độc quyền về quản lý ma tuý của nhà nước, huỷ hoại sức khoẻ con người. Không những thế từ ma tuý có thể gây ra nhiều loại tội phạm hình sự khác như trộm cắp, cướp giật tài sản... Do vậy, cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội và cách ly các bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện VKS khu vực 2 – Bắc Ninh là có căn cứ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh đề nghị xử phạt: bị cáo Vi Văn Đại T3 03 năm đến 03 năm 02 tháng và bị cáo Lường Văn L từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 04 tháng cùng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cho các bị cáo HĐXX cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo để đảm bảo tính khoan hồng và nghiêm minh của pháp luật đối với hai bị cáo là cần thiết. Hai bị cáo H3 đều đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an tỉnh B nên Hội đồng xét xử thấy phải tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ.

[4]. Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình cho bị cáo HĐXX nhận thấy:

- Về nhân thân: Hai bị cáo đều có nhân thân tốt;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cả 2 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5]. Về vật chứng của vụ án: Vật chứng là công cụ phạm tội mà có giá trị thì cần tịch thu sung công, vật chứng không sử dụng vào việc phạm tội cần tuyên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

[6]. Vấn đề khác: Các bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản tích lũy. Hơn nữa, bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên HĐXX không tuyên phạt hình phạt bổ sung cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với chị Cháng Thị D có mặt trong phòng nghỉ và biết việc Lường Văn L, Vi Văn Đ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chị D không có hành động gì giúp sức cho các bị can sử dụng ma túy, không trực tiếp sử dụng ma túy và không nhận thức được hành vi của L, Đ đang phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên chị D không vi phạm pháp luật để xem xét xử lý là có căn cứ;

Đối với chị Nguyễn Thị T1 là quản lý của nhà nghỉ R. Quá trình quản lý nhà nghỉ chị T1 phát hiện khách thuê phòng nghỉ 301 gồm (L, Đ, D) có biểu hiện vẫn sử dụng ma túy nên chị T1 đã chủ động trình báo Công an để giải quyết. Do vậy, hành vi của chị T1 không vi phạm pháp luật để xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Hoàng Văn H2, sinh năm 2003, trú tại thôn K, xã T, tỉnh Bắc Ninh, quá trình điều tra L khai số ma túy mà L, Đ sử dụng là của Hoàng Văn H2 đưa cho L. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa phương nhưng đến nay không ai biết H2 làm gì, ở đâu nên chưa tiến hành làm việc được với H2. Do vậy, Cơ quan điều tra quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi của Hoàng Văn H2 để tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bị cáo L thuộc trường hợp phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn Đ 03 năm 02 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/11/2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lường Văn L 03 năm 03 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/11/2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu xung công quỹ đối với 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, có số IMEL1: 353404100424632, trả lại bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, có số IMEI 353712531357754, nhưng cần tạm giữ điện thoại của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí đối với bị cáo Đ.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh
- VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hương Lan